TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02993

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Academic Listening - 01 (213165) CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10128001	HỒ XUÂN	AN	DH10AV			1.0	2.8	4.4	8.2	8	2
2	10128005	LÊ THỊ LAN	ANH	DH10AV			1.0	2.5	4.8	8.3	8	3
3	10128010	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	DH10AV			1.0	2.2	5.4	8.6	8	6
4	10128020	TRẦN NGỌC TRANG	ĐÀI	DH10AV			1.0	2.4	4.2	7.6	7	6
5	10128022	HUỲNH THỊ CẨM	GIANG	DH10AV			1.0	1.5	2.0	4.5	4	5
6	10128023	ĐINH THỊ NGỌC	HÀ	DH10AV			1.0	2.2	4.4	7.6	7	6
7	10128025	ĐỖ MINH	HẰNG	DH10AV			1.0	2.0	4.2	7.2	7	2
8	10128026	NGUYỄN THỊ	HẰNG	DH10AV			1.0	1.4	2.8	5.2	5	2
9	10128027	TRẦN NGỌC DIỄM	HẰNG	DH10AV			1.0	2.0	4.4	7.4	7	4
10	10128028	NGUYỄN ĐỖ DIỄM	HẰN	DH10AV			1.0	2.3	5.0	8.3	8	3
11	10128030	PHAN THỊ THU	HIỀN	DH10AV			1.0	2.4	4.4	7.8	7	8
12	10128031	TRIỆU THỊ MINH	HIỀN	DH10AV			1.0	3.0	5.2	9.2	9	2
13	10128032	CAO THỊ	HỒNG	DH10AV			1.0	1.0	3.0	5.0	5	0
14	10128037	ĐỖ HỮU	KHANG	DH10AV			1.0	2.6	5.6	9.2	9	2
15	10128038	NGUYỄN THỊ HOÀNG	KIM	DH10AV			1.0	2.2	4.4	7.6	7	6
16	10128039	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	DH10AV			1.0	2.6	5.4	9.0	9	0
17	10128058	NGUYỄN THỊ THU	NGA	DH10AV			1.0	2.4	4.4	7.8	7	8
18	10159012	LÊ DƯƠNG ĐÔNG	NGHI	DH10AV			1.0	2.6	5.2	8.8	8	8

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Đào Đức Nhựt Nguyện; Võ Thị Biên

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Lê T. Ngọc Vy

Cán bộ chấm thi 1&2 — Lê Thị Ngọc Vy; Đào Nhựt Nguyện

Ngày 29 tháng 1 năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02993

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Academic Listening - 01 CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10128069	PHAN THỊ QUỲNH	NHƯ	DH10AV			1.0	2.8	4.8	8.6	8	6
20	10159013	PHAN NGUYỄN BẢO	PHY	DH10AV			1.0	1.8	5.2	8.0	8	0
21	10128084	ĐÀM THỊ THU	THẢO	DH10AV			1.0	1.8	3.0	5.8	5	8
22	10128087	NGUYỄN PHẠM THU	THẢO	DH10AV			1.0	1.6	4.2	6.8	6	8
23	10128088	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH10AV			1.0	1.6	4.6	7.2	7	2
24	10128098	DƯƠNG VIỆT	TRÂN	DH10AV			1.0	2.6	5.6	9.2	9	2
25	10128104	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	DH10AV			1.0	2.7	4.4	8.1	8	1
26	10128105	VÕ NGỌC THANH	TRÚC	DH10AV			1.0	2.5	4.8	8.3	8	3
27	10128110	NGUYỄN NGỌC	TÚ	DH10AV			1.0	2.0	3.6	6.6	6	6
28	10128106	LÊ ĐĂNG NGỌC	TUYỀN	DH10AV			1.0	2.6	5.2	8.8	8	8
29	10128112	HOÀNG THỊ CẨM	VÂN	DH10AV			1.0	2.4	3.8	7.2	7	2
30	10128114	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	DH10AV			1.0	2.5	4.8	8.3	8	3

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Đ N Nguyên — Võ Thị Kiều

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Lê T. Ngọc Vân

Cán bộ chấm thi 1&2 — Lê Thị Ngọc Vân — Đỗ Như Ngọc

Ngày 29 tháng 1 năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02994

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Academic Listening - 02 CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09128041	TRẦN TRÀ	MY	DH09AV			1.0	2.2	3.6	6.8	6	8
2	09128044	BÙI THI	NGOAN	DH09AV			1.0	2.6	3.6	7.2	7	2
3	09128048	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	DH09AV			1.0	1.0	1.4	3.4	3	4
4	09128071	LƯƠNG THỊ THU	THẢO	DH09AV			1.0	2.2	4.2	7.4	7	4
5	10128002	HUỲNH NGỌC	AN	DH10AV			1.0	1.8	5.0	7.8	7	8
6	10128011	VŨ TRỌNG	BẰNG	DH10AV		✓					V	
7	10128013	MAI THỊ KIM	CHI	DH10AV			1.0	2.2	3.2	6.4	6	4
8	10128017	HUỲNH THU KIM	DUYÊN	DH10AV			1.0	2.0	5.0	8.0	8	0
9	10128034	PHAN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10AV			1.0	2.2	4.0	7.2	7	2
10	10128036	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	DH10AV			1.0	2.4	3.2	6.6	6	6
11	10128046	NGUYỄN HOÀNG MỸ	LINH	DH10AV			1.0	2.0	3.2	6.2	6	2
12	10128047	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	DH10AV			1.0	2.3	2.0	5.3	5	3
13	10128048	NGUYỄN THÙY	LINH	DH10AV			1.0	2.6	4.4	8.0	8	0
14	10128050	PHAN THỊ	LỘC	DH10AV			1.0	2.6	3.6	7.2	7	2
15	10128053	HUỲNH NHẬT	MINH	DH10AV			1.0	2.6	3.6	6.2	6	2
16	10128059	LÊ THỊ NGỌC	NGÂN	DH10AV			1.0	2.8	4.6	8.4	8	4
17	10128060	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	DH10AV			1.0	2.2	2.4	5.6	5	6
18	10159011	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	DH10AV			1.0	3.2	4.4	8.6	8	6

Số bài: 29 ; Số tờ: 29

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Nguyễn Liên Thương

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Lê T. N. Vang

Cán bộ chấm thi 1&2: Lê Thị Ngân Vang; Đào Nhã Nguyên

Ngày 29 tháng 1 năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02994

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Academic Listening - 02 CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10128064	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	DH10AV			1.0	2.2	5.0	8.2	8	2
20	10128067	THÁI THỊ YẾN	NHI	DH10AV			1.0	2.4	2.8	6.2	6	2
21	10128070	LÊ NGUYỄN HOÀNG	OANH	DH10AV			1.0	2.2	2.4	5.6	5	6
22	10128071	VÕ TRỌNG NGUYÊN	PHONG	DH10AV			1.0	2.2	4.4	7.6	7	6
23	10128072	ĐOÀN HỒNG	PHÚC	DH10AV			1.0	2.4	3.4	6.8	6	8
24	10128076	NGUYỄN THI	PHƯƠNG	DH10AV			1.0	2.4	3.4	6.8	6	8
25	10128086	LƯƠNG THỊ THU	THẢO	DH10AV			1.0	2.0	1.8	4.8	4	8
26	10128090	PHÍ THI PHƯƠNG	THẢO	DH10AV			1.0	2.4	2.2	5.6	5	6
27	10159017	ĐOÀN NGỌC	TRANG	DH10AV			1.0	2.4	4.6	8.0	8	0
28	10159014	MAI THỊ THÙY	TRANG	DH10AV			1.0	2.2	2.8	6.0	6	0
29	10128103	ĐẶNG HÀ QUỲNH	TRÚC	DH10AV			1.0	3.0	2.6	6.6	6	6
30	10159015	NGUYỄN THI KHẢ	VI	DH10AV			1.0	2.8	3.6	7.4	7	4

Số bài: 29 ; Số tờ: 29

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Nguyễn Liêu Hương

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Lê T. Ngân Vân

Cán bộ chấm thi 1&2: Lê Thị Ngân Vân; Đào Như Nguyện

Ngày 29 tháng 1 năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02995

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Academic Listening - 03 CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09128093	TRỊNH ĐÀO	THƯƠNG	DH09AV		✓				✓	0	0
2	09159004	PHẠM ÁNH	TUYẾT	DH09AV		✓				✓	0	0
3	10128004	PHẠM THỊ THÙY	AN	DH10AV			1.0	1.8	2.6	5.4	5	4
4	10159007	NGUYỄN THỊ THANH	CẢNH	DH10AV			1.0	2.6	4.0	7.6	7	6
5	10159016	TRẦN ĐÌNH	CHÚ	DH10AV			0	0	2.0	2.0	2	0
6	10128019	TRƯƠNG HÙNG	DŨNG	DH10AV			1.0	2.4	4.4	7.8	7	8
7	10159009	ĐỖ QUỲNH	HƯƠNG	DH10AV			1.0	2.4	4.2	7.6	7	6
8	10128044	NGUYỄN NGỌC	LỆ	DH10AV			1.0	2.3	3.8	7.1	7	1
9	10128051	TRƯƠNG TẤN	LỘC	DH10AV			1.0	2.0	3.6	6.6	6	6
10	10128052	TRẦN THỊ	LÝ	DH10AV			1.0	1.4	2.2	4.6	4	6
11	10128056	LÊ HOÀI	NAM	DH10AV			1.0	1.6	5.4	8.0	8	0
12	10128057	NGUYỄN HOÀNG	NAM	DH10AV			1.0	1.8	3.8	6.6	6	6
13	10159003	HUỲNH TẤN	PHÁT	DH10AV			1.0	0.6	3.2	4.8	4	8
14	10128074	PHẠM HỮU	PHÚC	DH10AV			1.0	1.8	3.4	6.2	6	2
15	10128077	PHẠM MINH	PHƯƠNG	DH10AV			1.0	2.6	4.6	8.2	8	2
16	10128081	PHẠM THỊ HỒNG	THANH	DH10AV			1.0	1.9	2.4	5.3	5	3
17	10128091	NGUYỄN THỊ	THẮM	DH10AV			1.0	1.8	2.8	5.6	5	6
18	10128097	NGUYỄN THỊ THANH	TRÂM	DH10AV		Tram	1.0	1.4	2.8	5.2	5	2

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Lê V.T. Thúy Vy — Huỳnh Trung Chánh

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Lê T. Ngọc Vy

Cán bộ chấm thi 1&2 — Lê Thị Ngọc Vy — Đào Như Nguyện

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02995

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Academic Listening - 03 CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10128100	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRÂN	DH10AV			1.0	1.0	3.0	5.0	5	0
20	10128102	PHẠM NGỌC	TRUNG	DH10AV			1.0	1.6	4.6	7.2	7	2
21	10128107	TRẦN GIÁNG BÍCH	TUYỀN	DH10AV			1.0	1.8	4.0	6.8	6	8
22	10128108	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	DH10AV			1.0	1.0	1.6	3.6	3	6
23	10128113	DƯ QUỐC	VƯƠNG	DH10AV			1.0	1.6	3.4	6.0	6	0
24	10128117	TỪ MAI DIỆM	YẾN	DH10AV			1.0	1.8	3.6	6.4	6	4

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Lê V.T. Thuý Vy — Nguyễn Trung Chánh

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Lê T. Ngọc Vy

Cán bộ chấm thi 1&2 — Lê Thị Ngọc Vy — Đào Nhã Nguyên

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02996

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Academic Listening - 04 CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10128008	NGUYỄN TUYẾT	ANH	DH10AV		Anh	1.0	1.6	3.4	6.0	6	0
2	10128015	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	DH10AV		Cường	1.0	1.6	4.4	7.0	7	0
3	10128016	HUỲNH ĐOÀN PHƯƠNG	DUNG	DH10AV		Dung	1.0	2.6	5.0	8.5	8	5
4	10128018	LÊ PHAN THỊ MỸ	DUYÊN	DH10AV							V	
5	10128024	LÊ ĐỨC HOÀNG	HẠC	DH10AV			1.0	2.2	4.6	7.8	7	8
6	10128033	NGUYỄN THỊ XUÂN	HUY	DH10AV			1.0	2.0	3.2	6.2	6	2
7	10128035	NGUYỄN THỊ GIÁNG	HƯƠNG	DH10AV			1.0	1.9	2.6	5.5	5	5
8	10128040	NGUYỄN THỊ MINH	LÀI	DH10AV			1.0	2.4	3.2	6.6	6	6
9	10128041	MAI THỊ	LÂM	DH10AV			1.0	1.9	1.4	4.3	4	3
10	10128043	DƯƠNG THỊ MỸ	LỆ	DH10AV							V	
11	10128045	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LIÊN	DH10AV			1.0	2.6	2.0	5.6	5	6
12	10128049	TRẦN NGUYỄN NGỌC	LINH	DH10AV		Linh	1.0	1.2	3.2	5.4	5	4
13	10128054	HỒ NGỌC	MỸ	DH10AV		Mỹ	1.0	2.4	3.6	7.0	7	0
14	10128055	TRẦN THỊ LI	NA	DH10AV							V	
15	10128063	PHAN THỊ MINH	NGỌC	DH10AV			1.0	1.2	2.6	4.8	4	8
16	10128065	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	DH10AV			1.0	1.9	2.2	5.1	5	1
17	10128066	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	DH10AV			1.0	1.6	1.4	4.0	4	0
18	10128069	DIỆP CẨN	NHUNG	DH10AV			1.0	1.0	3.8	5.8	5	8

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Ng T. Kim An

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Lê T. N. Vy

Cán bộ chấm thi 1&2 — Lê Thị Ngọc Vang; Đào Như Nguyện

Ngày 23 tháng 11 năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02996

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Academic Listening - 04 CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10128075	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	DH10AV			1.0	2.2	3.2	6.4	6	4
20	10128078	HUỲNH THỊ NGỌC	QUYÊN	DH10AV			1.0	2.6	3.8	7.4	7	4
21	10128079	TRẦN THỊ	SA	DH10AV			1.0	1.9	3.0	5.9	5	9
22	10128080	VŨ THIÊN	TÂM	DH10AV			1.0	2.6	3.4	7.0	7	0
23	10128085	HUỲNH THỊ THU	THẢO	DH10AV			1.0	2.3	2.8	6.1	6	1
24	10128089	PHẠM LÊ PHƯƠNG	THẢO	DH10AV			1.0	2.0	2.2	5.2	5	2
25	10128095	NGUYỄN THỊ MINH	THÚY	DH10AV			1.0	2.4	1.6	5.0	5	0
26	10128096	HỒ NGỌC HUYỀN	TRANG	DH10AV			1.0	2.5	4.0	7.5	7	5
27	10128099	ĐƯỜNG VŨ HUYỀN	TRÂN	DH10AV			1.0	2.5	2.2	5.7	5	7
28	10128101	KIỀU THỊ	TRINH	DH10AV			1.0	2.8	2.2	6.0	6	0
29	10128109	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	DH10AV			1.0	1.2	0.4	2.6	2	6
30	10128116	PHAN THỊ BÙI	YẾN	DH10AV			1.0	2.3	2.8	6.1	6	1

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Ng T. Kim Ch

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Lê T. Ngọc Vy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Thị Ngọc Vang

Đào Nhi Nguyên

Ngày 21 tháng 1 năm